NGÂN HÀNG FIRST COMMERCIAL BANK
CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
第一銀行 胡志明市分行

FCB

CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ TỶ LỆ AN TOÀN VỐN THÁNG 12/2022

(Theo Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân Hàng nhà nước quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài)

NGÂN HÀNG FIRST COMMERCIAL BANK
CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN VỐN

THỜI ĐIỂM 31 THÁNG 12 NĂM 2022

NỘI DUNG **TRANG**

Giới thiệu	
Quy định về an toàn vốn	3
Phạm vi công bố thông tin	3
1. Phạm vi tính tỷ lệ an toàn vốn	3
2. Vốn tự có và tỷ lệ an toàn vốn	4
2.1 Cơ cấu vốn tự có	4
2.2 Tỷ lệ an toàn vốn	4
3. Quản lý rủi ro	6
3.1 Rủi ro tín dụng	6
3.2 Rủi ro hoạt động	8
3.3 Rủi ro thị trường	9

NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

GIỚI THIỆU

QUY ĐỊNH VỀ TỶ LỆ AN TOÀN VỐN

Kể từ 01/01/2020 Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) yêu cầu tất cả các ngân hàng áp dụng tiêu chuẩn Basel, yêu cầu về vốn tối thiểu theo Phương pháp tiếp cận tiêu chuẩn (Trụ cột 1 của Basel 2 và khung quản lý rủi ro (Trụ cột 2 của Basel 2)

Khung pháp lý về việc triển khai Basel 2 tại Việt Nam bao gồm:

- Thông tư 41/2016/TT-NHNN (Thông tu 41) ngày 31/12/2016, quy định về tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, hướng dẫn triển khai Trụ cột 1 và Trụ cột 3 theo phương pháp tiếp cận tiêu chuẩn của Basel 2.
- Thông tư 13/2018/TT-NHNN ngày 18/5/2018, qui định Trụ cột 2- Basel 2 về cơ cấu tổ chức quản lý rủi ro, đánh giá các loại rủi ro cụ thể như yêu cầu bổ sung vốn cho các sự kiện khủng hoảng và các loại rủi ro được nêu ở Trụ cột 1.

Mục tiêu của việc công bố thông tin theo quy định của Thông tư 41 là cung cấp thông tin minh bạch về trạng thái vốn, giá trị rủi ro cũng như khung quản lý rủi ro của ngân hàng, từ đó đánh giá được mức độ đủ vốn của First Commercial Bank- Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

PHẠM VI CÔNG BỐ THÔNG TIN

Báo cáo công bố thông tin về tỷ lệ an toàn tại 31/12/2022 cung cấp thông tin định lượng và định tính, được xây dựng theo quy định tại Điều 20 và Phụ lục 5 của Thông tư 41, bao gồm (1) Vốn tự có; (2) Tài sản có rủi ro của 3 loại rủi ro chính và (3) Khung quản lý rủi ro.

Báo cáo này được xây dựng dựa theo quy định công bố thông tin về tỷ lệ an toàn vốn của First Commercial Bank- Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và được đăng tải 6 tháng một lần tại website của Hội sở - Ngân hàng First Commercial Bank – Taiwan.

1. PHẠM VI TÍNH TỶ LỆ AN TOÀN VỐN:

Đây là nội dung công bố thông tin liên quan đến tỷ lệ an toàn vốn của Ngân hàng First Commercial Bank - chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ("Ngân hàng") cho thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022. Các thông tin công bố phù hợp với Thông tư 41/TT-NHNN ngày 31/12/2016 quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (Phụ lục 5 - nội dung công bố thông tin)

Cơ cấu vốn tự có của ngân hàng First Commercial Bank chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh như sau:

Vốn chủ sở hữu: theo cáo báo tài chính đã kiểm toán 2022; Vốn của tổ chức tín dụng là USD70.000.000 (Bảy mươi triệu Đô La Mỹ); Quỹ của Tổ chức tín dụng USD8,315,868 (Tám triệu ba trăm mươi lăm ngàn tám trăm sáu mươi tám Đô La Mỹ); Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế USD17,818,198 (Mười bảy triệu tám trăm mười tám ngàn một trăm chín mươi tám Đô La Mỹ). Thời hạn theo hoạt động của chi nhánh ngân hàng First Commercial Bank- chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

2. VỐN TỰ CÓ VÀ TỶ LỆ AN TOÀN VỐN:

2.1 CƠ CẤU VỐN TỰ CÓ

Thông tin Vốn tự có của ngân hàng First Commercial Bank chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh tính đến thời điểm 31/12/2022 như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Cấu Phần	Giá trị
I. Vốn cấp 1 (I.1 +I.2)	**2.137.204,44**
I.1 Cấu phần vốn cấp 1	2.137.204,44
Vốn điều lệ	1.650.600,00
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	66.451,33
Lợi nhuận chưa phân phối	420.153,11
I.2 Các khoản phải trừ khỏi vốn cấp 1	0,00
II. Vốn cấp 2 (II.1+II.2)	**987.681,27**
II.1 Cấu phần vốn cấp 2	987.681,27
Quỹ dự phòng tài chính	129.598,50
80% dự phòng chung	32.782,77
Khoản vay, nợ thứ cấp	825.300,00
II.2 Các khoản giảm trừ khỏi vốn cấp 2	0,00
TỔNG VỐN TỰ CÓ (I+II)	**3.124.885,71**

2.2. TỶ LỆ AN TOÀN VỐN

a) Nội dung định lượng

Quy trình tính toán CAR:

Để đảm bảo tính minh bạch, tính chính xác Ngân hàng First Commercial Bank - chi nhánh TP. Hồ Chí Minh xây dựng việc tính toán tự động trên hệ thống CNTT riêng biệt. Dữ liệu đầu vào được lấy một cách đầy đủ và kịp thời vào sự tương tác cơ sở dữ liệu hệ thống tính CAR với các hệ thống dữ liệu báo cáo khác trong ngân hàng.

Quy trình tính toán CAR qua 3 bước:

- Thu thập và xác thực dữ liệu

- Tính toán tự động trên hệ thống
- Cung cấp kết quả, lưu trữ và thực hiện báo cáo phân tích

Kế hoạch vốn đảm bảo duy trì Tỷ lệ an toàn vốn:

- Ngân hàng First Commercial Bank - chi nhánh TP. Hồ Chí Minh đang thực hiện xây dựng kế hoạch vốn hàng năm theo Quy trình Đánh giá an toàn vốn nội bộ (ICAAP). Trong đó, đầu vào của kế hoạch vốn bao gồm các đánh giá mang tính dự báo về mức vốn tự có yêu cầu trên cơ sở chiến lược kinh doanh, hồ sơ rủi ro và khẩu vị rủi ro.
- Kế hoạch vốn sẽ được xây dựng theo yêu cầu về vốn của Cơ quan quản lý và vốn kinh tế theo đánh giá của Ngân hàng, nhằm đảm bảo mức đầy đủ của vốn:
  - Đáp ứng các yêu cầu tại hồ sơ rủi ro của Ngân hàng và các cam kết;
  - Vượt các yêu cầu pháp lý tối thiểu về CAR thông qua việc đặt mục tiêu CAR tối thiểu đạt mức 12%, nhằm đảm bảo việc thực hiện bền vững các chiến lược kinh doanh của Ngân hàng;
  - Cho phép ngân hàng hoạt động ổn định ngay cả trong giai đoạn suy giảm kinh tế hay biến động bất lợi của thị trường;
  - Phù hợp với mục tiêu hoạt động và chiến lược của Ngân hàng.
- Thực hiện phân tích, dự phòng, phân bổ và giám sát mức độ đủ vốn định kỳ và chuẩn mực với sự tham gia của toàn hệ thống theo quy trình đánh giá nội bộ về mức độ đủ vốn.

2.2.b) Nội dung định lượng:

Thông tin chi tiết tỷ lệ an toàn vốn của ngân hàng First Commercial Bank chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh tại thời điểm 31/12/2022 như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Khoản mục chỉ số		Giá trị
A	**Vốn tự có**	**3.124.885,71**
A1	Vốn tự có cấp 1	2.137.204,44
B	**Tài sản tính theo rủi ro tín dụng**	**9.584.843,94**
B1	Rủi ro tín dụng	9.584.843,94
B2	Rủi ro đối tác	0,00
C	**Tài sản tính theo rủi ro thị trường**	**1.376,76**
D	**Tài sản tính theo rủi ro hoạt động**	**37.341,56**
E	**Tỷ lệ an toàn vốn = A/(B+C+D)**	**21.23**
E1	Tỷ lệ vốn cấp 1 = A1/(B+C+D)	31.04

3. QUẢN LÝ RỦI RO

3.1 RỦI RO TÍN DỤNG

3.1.a) Nội dung định tính

Chính sách quản lý rủi ro tín dụng

Thực hiện và xây dựng chính sách quản lý nhằm nhận diện, đánh giá đo lường, kiểm soát rủi ro tín dụng và rủi ro tập trung đối với các nghiệp vụ liên quan.

- Thực hiện chính sách trích lập dự phòng rủi ro tín dụng bao gồm quản lý tỷ lệ nợ xấu mục tiêu và tỷ lệ cấp tín dụng xấu theo đối tượng khách hàng, ngành, lĩnh vực kinh tế.
- Nguyên tắc xác định chi phí bù đắp rủi ro tín dụng trong phương pháp tính lãi suất, định giá sản phẩm tín dụng theo mức độ rủi ro tín dụng của khách hàng trên cơ sở xác định 4 yếu tố bao gồm (i) Giá vốn cho vay; (ii) chi phí vận hành; (iii) chi phí rủi ro; (iv) lợi nhuận hợp lý.
- Nguyên tắc áp dụng các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng và rủi ro tập trung: quy trình đánh giá tín dụng và xét duyệt cho vay được xây dựng một cách nghiêm nhặt bao gồm cả việc đánh giá các chỉ số tài chính của khách hàng, tình trạng tín dụng, cũng như tài sản đảm bảo được đánh giá trên cơ sở các quy định cụ thể được Ngân hàng mẹ phê duyệt. Đồng thời, thiết lập giới hạn cho vay đối với người đại diện, nhân viên, người có lợi ích liên quan với ngân hàng, giới hạn cho vay đối với một khách hàng, khách hàng và nhóm khách hàng có lợi ích liên quan nhằm kiểm soát và giảm thiểu rủi ro tập trung.
- Thiết lập mô hình đo lường rủi ro, hệ thống dữ liệu rủi ro nhằm đánh giá rủi ro đối với khách hàng hoặc đánh giá rủi ro tín dụng theo danh mục cho vay. Theo đó, định kỳ kiểm tra và thực hiện thử nghiệm sức chịu đựng rủi ro.
- Thiết lập lưu trình quản lý rủi ro tín dụng, trình tự kiểm soát phù hợp, xác định các hạn mức rủi ro tín dụng cụ thể để phục vụ kiểm soát theo định kỳ.
- Xây dựng cơ chế cảnh báo sớm rủi ro bao gồm đánh giá tài sản có rủi ro tín dụng, hoàn thiện kết cấu tài sản, kiểm soát và cảnh báo sớm các khoản vay có vấn đề.
- Nguyên tắc xác định mức độ tập trung tín dụng theo từng sản phẩm tín dụng, khách hàng, ngành, lĩnh vực kinh tế.
    - Xác định mức độ tập trung tín dụng theo từng sản phẩm tín dụng được dựa trên mục đích sử dụng vốn, kỳ hạn khoản vay, tài sản bảo đảm.
    - Xác định mức độ tập trung tín dụng theo khách hàng, ngành, lĩnh vực kinh tế được dựa trên cơ sở đánh giá tổng quan về kinh tế, thị trường, tổng quan về ngành, lĩnh vực kinh tế. Trên cơ sở đánh giá tổng quan xác định mức độ tập trung tín dụng đối với các ngành, lĩnh vực kinh tế có tính rủi ro cao, ô nhiễm môi trường cao, hao tốn năng lượng cao.
    - Nguyên tắc xác định mức độ đa dạng và mức độ tương tác giữa các sản phẩm tín dụng, ngành, lĩnh vực kinh tế dự trên cơ sở xác định tỷ trọng tín dụng đối với từng sản phẩm tín dụng, ngành, lĩnh vực kinh tế trên cơ sở xác định mức độ biến động, tương tác của từng ngành và môi trường kinh doanh nhằm nắm bắt tình trạng hạn mức rủi ro tín dụng giữa các sản phẩm tín dụng, ngành, lĩnh vực kinh tế, kịp thời điều chỉnh hạn mức rủi ro tập trung dựa trên đặc thù của từng ngành, lĩnh vực kinh tế và chất lượng, quy mô khách hàng để tiến hành đánh giá để có biện pháp quản lý phù hợp.

Danh sách các doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm độc lập được sử dụng khi tính tỷ lệ an toàn vốn

(nếu có);

Danh mục các tài sản bảo đảm, bảo lãnh của bên thứ ba, bù trừ số dư nội bảng và sản phẩm phái sinh tín dụng đủ điều kiện để ghi nhận giảm thiểu rủi ro tín dụng;

3.1.b) Nội dung định lượng

i. Các khoản phải đòi, hệ số rủi ro tương ứng theo từng thứ hạng tín nhiệm và tổng tài sản tính theo rủi ro tín dụng theo từng doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm độc lập được lựa chọn: không phát sinh

ii. Tài sản có tính theo rủi ro tín dụng theo rủi ro tín dụng và rủi ro tín dụng đối tác, trong đó chia theo đối tượng có hệ số rủi ro theo quy định tại Điều 9 Thông tư này;

iii. Tài sản tính theo rủi ro tín dụng theo ngành;

Đơn vị tính: triệu đồng

胡志明市分行行業別授信風險承擔限額表
Hạn mức tín dụng theo Ngành nghề của CN Tp.HCM

行業別 Phân loại Ngành nghề		修正後授信比重上限 Tỷ trọng tín dụng tối đa sau khi điều chỉnh				
代號 Mã số	行業名稱 Tên ngành nghề	第四季 Cuối quý	基本上限 Giới hạn cơ bản (A)	權數 Hệ số Gia quyền	加權上限(A*B) gia quyền tối đa	備註 ghi chú
010000	一、民營企業(下列1至11款合計) I. Doanh nghiệp ngoài quốc doanh (liệt kê từ 1 đến 11)	81.74%	100.00%	—	100.00%	
010100	1.農林漁牧業 (1. lâm, nông, ngư nghiệp)	4.22%	5.00%	125%	6.25%	
010200	2.礦業及土石採取業 (2. khai thác khoáng sản)	-	—	—	—	
010300	3.製造業(下列A至I目小計) (3. Sản xuất-chế biến)	83.32%	100.00%	—	100.00%	
	A.食品、飲料、菸草製造業 (a. thực phẩm, thức uống)	17.98%	13.00%	125%	16.25%	
	B.紡織、皮革業 (b. Dệt may, da giày)	20.98%	40.00%	125%	50.00%	
	C.木竹、傢俱製品業及造紙、印刷業 (c. gỗ, nội thất, giấy, in ấn)	3.09%	10.00%	125%	12.50%	
	D.塑化業 (d. nhựa)	4.81%	15.00%	125%	18.75%	
	E.金屬業 (e. kim loại)	11.78%	20.00%	125%	25.00%	
	F.其他製造業 (f. sản xuất chế biến khác)	13.63%	15.00%	125%	18.75%	
	G.電子資訊業 (g. Điện tử, thông tin viễn thông)	0.00%	10.00%	125%	12.50%	
	H.機械、工具業 (h. Cơ khí)	0.00%	10.00%	125%	12.50%	
	I.其他 (i. Khác)	9.03%	20.00%	125%	25.00%	
010400	4.水電燃氣業 (4. điện, nước)	0.00%	15.00%	125%	18.75%	
010500	5.營造業 (5. xây dựng)	1.19%	10.00%	125%	12.50%	
010600	6.批發及零售業(計) (6. bán lẻ, bán sỉ)	2.94%	10.00%	125%	12.500%	
010700	7.住宿及餐飲業 (7. nhà hàng, tiệm ăn, nhà trọ)	-	—		—	
010800	8.運輸、倉儲及通信業 (8. Kho bãi, vận tải và thông tin viễn thông)	0.45%	15.00%	125%	18.75%	
010900	9.金融及保險業 (9. Tài chính, bảo hiểm)	2.77%	20.00%	125%	25.00%	
011000	10.不動產及租賃業 (10. kinh doanh, cho thuê BĐS)	5.11%	10.00%	125%	12.50%	
011100	11.服務業(原9.工商社會及個人服務業) (11. dịch vụ)	-	—		—	
	4~11項非製造業授信比重限額採總量控管 (phi sản xuất) 5~11 kiểm soát theo tổng mức trên tỷ trọng dư nợ vay	-	12.00%	125%	15.00%	
020000	二、公營企業(0201000至021100) (II. Quốc doanh)	4.99%	40.00%	125%	50.00%	
030000	三、政府機關(030100、030200) (III. Cơ quan NN)	-	—	—	—	
040000	四、社會保險及退休基金 (IV. BHXH, quỹ về hưu)	-	—	—	—	
050000	五、非營利團體 (V. Tổ chức phi kinh tế)	-	—	—	—	
060000	六、私人 (VI. Cá nhân)	0.53%	10.00%	125%	12.5000%	
	1. 消費者貸款	0.00%				
	2. 其他	0.00%				
070000	七、金融機構:(VII. TCTD)	12.74%	—	—	—	
080000	八、產物保險公司 (VIII. Công ty bảo hiểm)	-	—	—	—	
090000	九、票券金融公司 (IX. Công ty tài chính)	-	—	—	—	
100000	十、證券金融公司 (X. Công ty chứng khoán)*排除政府債券融資	2.27%	5.00%	100%	5.00%	
110000	十一、再保險公司 (XI. Công ty tái bảo hiểm)	-	—	—	—	
120000	十二、存款保險公司 (XII. Công ty BH tiền gửi)	-	—	—	—	
999999	合計 (Tổng cộng I + II)	100.00%	252%		289%	

iv. Tài sản tính theo rủi ro tín dụng (bao gồm cả nội bảng và ngoại bảng) được giảm thiểu rủi ro tín dụng (giá trị trước và sau khi giảm thiểu) theo các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng quy định tại Điều 11 Thông tư này.: Dư nợ cho vay được bảo lãnh bởi OCGF **VND69,189,187,345.**

3.2. RỦI RO HOẠT ĐỘNG

3.2.a) Nội dung định tính

Rủi ro hoạt động (RRHĐ) được định nghĩa là rủi ro gây ra tổn thất do nguyên nhân liên quan đến con người, thiếu sót của quy trình, hệ thống nội bộ, hoặc do ảnh hưởng của các sự kiện bên ngoài. Rủi ro hoạt động có thể phát sinh ở mọi khía cạnh kinh doanh. Phạm vi rủi ro hoạt động bao gồm các vấn đề liên quan đến pháp lý, tuân thủ, an ninh và gian lận. Các tổn thất phát sinh từ vi phạm quy định và luật pháp, hoạt động không được cấp quyền, sai phạm, kém hiệu quả, lỗi hệ thống hay các sự kiện bên ngoài đều thuộc phạm vi rủi ro hoạt động

Chính sách quản lý rủi ro hoạt động

Chính sách quản lý rủi ro hoat động tại Ngân hàng First Commercial Bank, Chi nhánh Hồ chí Minh được xây dựng và triển khai theo mô hình phổ biến, được chấp nhận rộng rãi, phù hợp với thông lệ và tuân thủ theo thông tư 13/2018/TT-NHNN.

Chính sách quản lý kinh doanh liên tục

Định kỳ sáu tháng , nhằm đảm bảo tính liên tục trong hoạt động kinh doanh và giảm thiểu tổn thất trong trường hợp xảy ra khủng hoảng đột ngột hoặc các sự kiện làm gián đoạn kinh doanh , Ngân hàng First Commercial Bank, Chi nhánh Hồ Chí Minh luôn cập nhật và kiểm thử kế hoạch kinh doanh liên tục đối với hoạt động của ngân hàng..

- **Quy tắc xây dựng kế hoạch kinh doanh liên tục**

Kế hoạch kinh doanh liên tục được xây dựng trong các trường hợp thảm họa thiên nhiên (cháy nổ, lũ lụt, bão, động đất), cướp ngân hàng, hành động đe dọa, đập phá và bùng phát dịch bệnh.

Kế hoạch liên tục được xây dựng dựa trên phân tích rủi ro và đánh giá tác động lên mọi hoạt động của ngân hàng , từ đó xác định các hoạt động ưu tiên và các nguồn lực cần thiết để hỗ trợ hoạt động và kế hoạch ứng phó phù hợp.

- **Tần suất rà soát kế hoạch kinh doanh liên tục**

Kế hoạch kinh doanh liên tục được rà soát, đánh giá và cập nhật hàng sáu tháng một lần hoặc đột xuất trong trường hợp xảy ra thay đổi về địa điểm và cơ cấu tổ chức của ngân hàng. Ngân hàng tiến hành kiểm thử thường niên kế hoạch kinh doanh liên tục để đánh giá mức độ phù hợp và hiệu quả của những kế hoạch đã xây dựng.

Ngân hàng tiến hành nhiều buổi đào tạo để trang bị cho toàn nhân viên kỹ năng và kiến thức cần thiết để ứng phó một cách hiệu quả trong trường hợp khẩn cấp.

Tất cả cán bộ nhân viên đều nhận thức rõ về tầm quan trọng của quản lý kinh doanh liên tục cũng như vai trò và trách nhiệm của mình trong trường hợp khẩn cấp hoặc xảy ra thảm họa.

- **Dự phòng công nghệ thông tin**

Ngân hàng duy trì trung tâm dữ liệu dự phòng thảm họa có chức năng sao lưu dữ liệu và triển khai những hệ thống thông tin quan trọng. Đối với hệ thống dự phòng, Ngân hàng First commercial Bank, Chi nhánh Hồ Chí Minh thực hiện thử nghiệm chuyển đổi từ hệ thống chính sang hệ thống dự phòng định kỳ 6 tháng một lần.

3.2.b) Nội dung định lượng:

Vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động tại thời điểm tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ số kinh doanh	Giá trị
IC	199,636.87
SC	19,842.15
FC	29,464.74
Vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động	**37,341.56**

3.3 · RỦI RO THỊ TRƯỜNG

3.3.a) Nội dung định tính

Chính sách quản lý rủi ro thị trường

- **Trong điều kiện bình thường**
  - Lượng hóa rủi ro tỷ giá .
  - Thiết lập những hạn mức rủi ro thị trường
  - Thiết lập cơ chế đo lường, theo dõi, kiểm soát trạng thái rủi ro thị trường
  - Hàng ngày thực hiện báo cáo điện tử gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về hạn mức tổng trạng thái ngoại tệ dương, tổng trạng thái ngoại tệ âm
  - Bộ phận kiểm soát nội bộ thực hiện kiểm tra ngẫu nhiên không định kỳ hạn mức rủi ro thị trường nhằm đảm bảo việc giám sát việc tuân thủ quy định này.
  - Định kỳ hàng năm, bộ phận kiểm toán nội bộ của Ngân Hàng Mẹ sẽ tiến hành kiểm tra toàn bộ các nghiệp vụ ngân hàng, bao gồm cả về quản lý rủi ro thị trường.
  - Đảm bảo chính xác, kịp thời phát hiện và khắc phục các trường hợp vi phạm hạn mức rủi ro thị trường nhằm đảm bảo an toàn trong hoạt động của chi nhánh.
  - Nếu hạn mức rủi ro thị trường gần chạm mức cảnh báo, Ban Giám Đốc chi nhánh mở cuộc họp khẩn cấp để yêu cầu ban hành biện pháp xử lý khắc phục để phù hợp với quy định.
  - Chính sách quản lý rủi ro thị trường được rà soát hàng năm, nếu trong quá trình thực

hiện có sửa đổi bổ sung quy định nội bộ này, phải báo cáo gửi về Ngân hàng Nhà nước, Cơ quan Thanh tra giám sát Ngân hàng .

- **Trong điều kiện biến động mạnh về tỷ giá, lãi suất**
  Trong trường hợp tỷ giá, lãi suất biến động mạnh trong ngày với biên độ lớn hơn 3%, việc báo cáo nhanh trong ngày về trạng thái ngoại tệ và các hạn mức rủi ro từng quốc gia, từng đối tác phải được thực hiện.

Chiến lược tự doanh

- Chi nhánh không đầu tư, không nắm giữ trạng thái trên sổ kinh doanh đối với : những công cụ tài chính, sản phẩm phái sinh, sản phẩm chứng khoán, hàng hóa. Do đó, những rủi ro thị trường như rủi ro lãi suất, rủi ro giá cổ phiếu, rủi ro giá cả hàng hóa, rủi ro cho hợp đồng quyền chọn liên quan đến sổ kinh doanh sẽ không phát sinh.
- Chi nhánh chỉ thực hiện sản phẩm truyền thống, mua / bán giao ngay đối với các loại tiền tệ chính: VND, USD, ...nhằm mục đích phục vụ nhu cầu thanh toán của khách hàng và cân bằng trạng thái ngoại hối. Vì vậy, chi nhánh chỉ tập trung để nhận diện, kiểm soát đối với rủi ro ngoại hối, là rủi ro thị trường trọng yếu trong hoạt động kinh doanh hàng ngày

Danh mục thuộc sổ kinh doanh

Giao dịch mua bán ngoại tệ để phục vụ nhu cầu của khách hàng, đối tác và các giao dịch đối ứng với các giao dịch này.

3.3.b) Nội dung định lượng

Vốn yêu cầu cho rủi ro ngoại hối （12 tháng）

Đơn vị tính: triệu đồng

Rủi ro thị trường (năm 2022)	Giá trị
Rủi ro ngoại hối	1,376.76
Vốn yêu cầu cho rủi ro ngoại hối	**1,376,76**

TP.Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 01 năm 2022
Người duyệt

CHIEN WEN CHENG
Tổng giám đốc First Commercial Bank
Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh